



國立教育廣播電臺 越南好行-實用觀光越南語.

第九集

詞彙：

- | | |
|----------------------------|-------|
| 1. gần | 附近 |
| 2. khách sạn | 飯店 |
| 3. có | 有 |
| 4. chợ | 市場 |
| 5. hoặc | 或 |
| 6. siêu thị | 超市 |
| 7. không | 嗎 |
| 8. trả nợ | 還債 |
| 9. trả tiền | 還錢、付錢 |
| 10. trả tiền phòng | 付房費 |
| 11. thành phố Hồ Chí Minh | 胡志明市 |
| 12. đường sách Hồ Chí Minh | 胡志明書街 |
| 13. chợ Bến Thành | 檳城市場 |

如何在飯店用越南語表達 需求及相關用詞（一）

句型：

1. 飯店附近有..... Gần khách sạn có.....

Gần khách sạn có chợ hoặc siêu thị không?

飯店附近有市場或超市嗎？

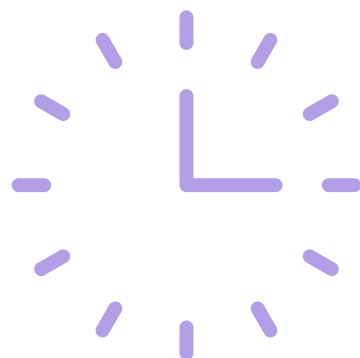
Gần khách sạn có nhà hàng ngon không?

飯店附近有好吃的餐廳嗎？

2. 請問幾點..... Xin hỏi mấy giờ.....

Xin hỏi mấy giờ phải trả phòng?

請問幾點要退房？



文化教室：越南胡志明市-越南的東方小巴黎

學生：我聽說去越南旅遊一定要去胡志明市，為什麼呢？

老師：胡志明市是越南的經濟中心、越南最大的港口和交通樞紐，被人們稱為越南的「東方明珠」、「東方小巴黎」。

學生：哇，難怪大家說一定要去的。

學生：胡志明這麼大，去胡志明自由行方便嗎？

老師：胡志明市是自由行旅遊的熱門首選之一，因為當地政府規劃旅遊機能還蠻完善的。胡志明市景點都集中在第一郡且相鄰不遠，多數可以步行抵達，所以很方便。

學生：這樣還滿適合自由行的。

老師：越南曾經歷過法國殖民時期，所以現在在越南有很多法國建築的遺跡例如紅教堂、郵局等。

學生：如果喜歡建築的同學可以前來欣賞哦。

老師：如果喜歡看書的人可以去參觀胡志明市書街。

學生：胡志明市書街？

老師：胡志明市書街被號稱越南最有人文氣質的街道。這裡有二十多家書店。

週末的書街熱鬧卻不吵鬧，假日時常舉辦藝文活動，像是新書發表會、毛筆大師現場撰寫活動。書街提供許多戶外閱讀的桌椅，讓讀者們能享受現場閱讀的氛圍。書街的中央還有幾家閱讀咖啡館，在閱讀的同時能享用各式飲品與甜點。雖然整條路逛完只需花費三十分鐘至一個小時，但不妨放慢腳步感受書街的文青氣息也是不錯的。